

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 – 32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Group Bắc Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0100979011 ngày 20 tháng 6 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch	
Ông Vũ Hữu Trí	Ủy viên	
Ông Đặng Đức Dũng	Ủy viên	
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên	
Ông Tsuboi Fuminori	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Bà Tạ Thu Hằng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 4 năm 2020.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Huy Hoàng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4531-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.642.119.401	145.849.608.044
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.273.429.951	15.759.287.322
1.	Tiền	111	V.01	1.273.429.951	15.759.287.322
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.339.085.332	81.788.077.419
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	28.484.908.670	58.238.494.219
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	376.356.085	1.846.526.294
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.477.820.577	43.566.962.329
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(21.863.905.423)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	42.628.558.095	46.158.994.715
1.	Hàng tồn kho	141		42.628.558.095	46.158.994.715
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.401.046.023	2.143.248.588
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	279.799.202	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.121.246.821	2.143.248.588
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.464.984.588	103.849.753.351
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		69.609.831.596	85.075.150.222
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	69.609.831.596	84.151.071.252
	- Nguyên giá	222		101.460.716.058	147.108.295.267
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(31.850.884.462)	(62.957.224.015)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	924.078.970
	- Nguyên giá	228		-	2.370.729.470
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	(1.446.650.500)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.342.790.535	1.834.857.548
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	892.364.252
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.342.790.535	942.493.296
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	3.845.600.000	11.775.283.996
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.845.600.000	11.775.283.996
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.666.762.457	5.164.461.585
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.233.318.287	3.952.467.624
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	200.624.231
3.	Lợi thế thương mại	268		433.444.170	1.011.369.730
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		165.107.103.989	249.699.361.395

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		94.193.752.599	172.878.398.686
I.	Nợ ngắn hạn	310		70.794.615.155	83.669.872.973
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	30.998.760.139	35.605.025.159
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	21.867.760	2.371.995.605
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	604.494.811	3.316.761.685
4.	Phải trả người lao động	314		3.343.671.150	2.709.092.760
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	8.125.732.126	16.402.053.132
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	27.579.664.065	23.144.280.599
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.425.104	120.664.033
II.	Nợ dài hạn	330		23.399.137.444	89.208.525.713
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	23.399.137.444	89.208.525.713
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.913.351.390	76.820.962.709
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	70.913.351.390	76.820.962.709
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		156.827.827	156.827.827
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.037.319	150.037.319
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(33.960.636.985)	(27.478.133.686)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(28.014.497.402)	(27.954.840.540)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(5.946.139.583)	476.706.854
12.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.057.643.229	6.482.751.249
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		165.107.103.989	249.699.361.395

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

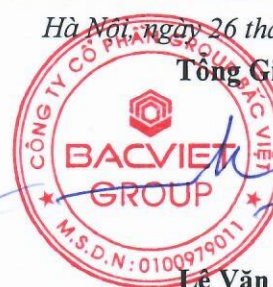
Tổng Giám đốc



Tạ Thu Hằng



Tạ Thu Hằng



Lê Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

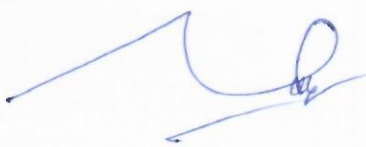
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	135.399.418.570	257.928.746.943
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		135.399.418.570	257.928.746.943
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	105.805.407.209	214.564.344.669
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.594.011.361	43.364.402.274
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.166.921.343	1.718.669.327
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	9.364.769.548	14.576.135.125
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.048.023.338	7.508.902.890
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	13.999.381.078	16.482.536.704
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	9.157.318.984	14.122.647.063
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(760.536.906)	(98.247.291)
12.	Thu nhập khác	31	VI.05	1.508.946.889	3.630.950.716
13.	Chi phí khác	32	VI.06	5.764.132.050	74.339.786
14.	Lợi nhuận khác	40		(4.255.185.161)	3.556.610.930
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.015.722.067)	3.458.363.639
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	691.265.021	2.370.507.274
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	200.624.231	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.907.611.319)	1.087.856.365
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(5.946.139.583)	476.706.854
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		38.528.264	611.149.511
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(606)	112
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(606)	112

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Hằng




Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(5.015.722.067)	3.458.363.639
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		10.675.965.012	9.334.568.042
-	Các khoản dự phòng	03		(2.393.238.578)	(6.139.585.939)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		97.819.620	36.765.362
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.355.116.065	(2.962.760.953)
-	Chi phí lãi vay	06		4.048.023.338	8.511.245.167
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		3.854.827.555	6.559.101.499
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		12.622.790.945	18.797.696.817
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.040.704.434	4.261.303.529
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.977.667.055)	24.211.348.576
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.840.487.991	(39.374.715.166)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		176.931.845	586.620.308
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.966.746.221)	(6.701.563.358)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.350.896.554)	(1.925.770.310)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		29.385.605.385	(145.079.604)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.491.339.585)	(19.841.170.769)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		400.000.000	748.703.636
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.626.974.697)	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.520.000.000)	(3.660.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.573.296.000	42.218.560.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.189.412.731	2.214.057.317
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(4.475.605.551)	21.680.150.184

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3.	Tiền thu từ đi vay	33		81.180.892.102	92.130.361.477
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(120.576.702.996)	(111.575.470.359)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.395.810.894)	(9.445.108.882)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.485.811.060)	12.089.961.698
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	15.759.287.322	3.669.320.833
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(46.311)	4.791
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	1.273.429.951	15.759.287.322

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 01 Công ty con được hợp nhất.

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2020</i>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Số 1 lô F KCN Gia Lễ, thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.	83,17%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

HÌNH

M.S.C.A

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 44 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

14. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:****Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Trường hợp tài sản cố định được bán có lãi thì chi phí khấu hao đang được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của bên mua tài sản cố định sẽ cao hơn chi phí khấu hao xét trên phương diện của cả tập đoàn, do đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất kế toán phải điều chỉnh giảm chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Khi loại trừ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó nên kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lãi chưa thực hiện bị loại trừ khỏi giá trị TSCĐ. Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng phải được ghi giảm số tiền tương ứng với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của tập đoàn. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch bán tài sản cố định giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ được hoàn nhập dần hàng năm khi kế toán điều chỉnh giảm chi phí khấu hao của tập đoàn.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	11.452.870	124.847.400
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.261.977.081	15.634.439.922
Cộng	<u>1.273.429.951</u>	<u>15.759.287.322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	3.845.600.000	-		11.775.283.996	-	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hanel ^(a)	-	-		1.452.457.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	3.845.600.000	-	(*)	2.325.600.000	-	(*)
+ Chi dự án tại Campuchia (Bệnh viện LIM Royal) ^(b)	-	-		2.915.786.996	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	-	-		5.081.440.000	-	(*)
Cộng	3.845.600.000	-		11.775.283.996	-	

(a) Căn cứ theo Quyết nghị của Hội đồng quản trị số 04.03/2020/NQ/HĐQT-BVG ngày 24 tháng 4 năm 2020, Công ty xác định khoản lỗ từ đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Hanel và khoản chi dự án tại Campuchia (Bệnh viện LIM Royal).

(b) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt cho các đối tác căn cứ theo Quyết nghị của Hội đồng quản trị số 04.03/2020/NQ/HĐQT-BVG ngày 24 tháng 4 năm 2020.

(*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	28.484.908.670	58.238.494.219
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Kinh doanh Đô Thị	-	27.646.912.528
- Công ty TNHH MTV Kết cấu thép	-	4.485.133.390
- Công ty TNHH JSR Trading	24.904.117.940	4.083.763.410
- Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	-	4.598.705.592
- Tổng công ty bưu điện Việt Nam (BQL dự án các công trình bưu điện)	-	5.141.245.600
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3.580.790.730	12.282.733.699
Cộng	28.484.908.670	58.238.494.219

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	376.356.085	1.846.526.294
- Dalian Zheng Yuan International trading Co., Ltd	80.370.698	815.852.485
- Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường Thái Bình	40.000.000	30.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	255.985.387	1.000.673.809
Cộng	376.356.085	1.846.526.294

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	9.477.820.577	-	43.566.962.329	-
- Tạm ứng	567.166.084	-	8.437.736.655	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	389.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	8.521.654.493	-	35.129.225.674	-
+ <i>Quỹ Vinalvest</i>	-	-	30.042.000.000	-
+ Công ty TNHH Kết cấu thép Việt Bắc	3.153.550.393	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	5.368.104.100	-	5.087.225.674	-
Cộng	9.477.820.577	-	43.566.962.329	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	30.352.196.664	-	2.025.769.278	-
- Công cụ, dụng cụ	357.754.706	-	216.511.222	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.370.509.201	-	14.301.221.603	-
- Thành phẩm	3.548.097.524	-	3.730.364.649	-
- Hàng hoá	-	-	25.885.127.963	-
Cộng	42.628.558.095	-	46.158.994.715	-

07. Tài sản dở dang dài hạn**a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	892.364.252	-
Cộng	-	-	892.364.252	-

b. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.342.790.535	942.493.296
- Mua sắm	82.900.000	15.090.907
- Xây dựng cơ bản	1.259.890.535	927.402.389
Cộng	1.342.790.535	942.493.296

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	56.637.538.765	81.899.626.994	4.519.334.895	857.807.005	3.193.987.608	147.108.295.267
- Mua trong năm	-	3.789.929.719	900.000.000	-	-	4.689.929.719
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	185.904.895	-	-	-	-	185.904.895
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.428.227.445)	(68.181.818)	-	-	(5.496.409.263)
- Giảm do thanh lý Công ty con	(15.496.984.791)	(21.901.107.570)	(3.577.117.586)	(857.807.005)	(3.193.987.608)	(45.027.004.560)
Số dư cuối năm	41.326.458.869	58.360.221.698	1.774.035.491	-	-	101.460.716.058
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.598.902.799	37.180.819.885	2.267.071.893	857.807.005	2.052.622.433	62.957.224.015
- Khấu hao trong năm	3.679.964.452	6.935.694.841	60.305.719	-	-	10.675.965.012
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.339.445.900)	(68.181.818)	-	-	(2.407.627.718)
- Giảm do thanh lý Công ty con	(14.929.987.215)	(19.720.957.144)	(1.813.303.050)	(857.807.005)	(2.052.622.433)	(39.374.676.847)
Số dư cuối năm	9.348.880.036	22.056.111.682	445.892.744	-	-	31.850.884.462
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	36.038.635.966	44.718.807.109	2.252.263.002	-	1.141.365.175	84.151.071.252
2. Tại ngày cuối năm	31.977.578.833	36.304.110.016	1.328.142.747	-	-	69.609.831.596

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 154.286.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**09. Chi phí trả trước**

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	279.799.202	-
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	194.463.813	-
- Các khoản khác	85.335.389	-
b. Dài hạn	3.233.318.287	3.952.467.624
- Chi phí giải phóng mặt bằng	1.929.690.423	2.023.023.205
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.231.457.866	1.792.005.713
- Phần mềm kế toán	3.699.994	11.099.998
- Các khoản khác	68.470.004	126.338.708
Cộng	3.513.117.489	3.952.467.624

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	23.144.280.599	23.144.280.599	63.158.100.484	58.722.717.018	27.579.664.065	27.579.664.065
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>18.167.583.420</i>	<i>18.167.583.420</i>	<i>57.188.720.686</i>	<i>53.727.872.241</i>	<i>21.628.431.865</i>	<i>21.628.431.865</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thái Bình ^(a)	18.167.583.420	18.167.583.420	57.188.720.686	53.727.872.241	21.628.431.865	21.628.431.865
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>4.976.697.179</i>	<i>4.976.697.179</i>	<i>5.968.147.598</i>	<i>4.994.844.777</i>	<i>5.950.000.000</i>	<i>5.950.000.000</i>
+ Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản Bắc Việt ^(b)	-	-	5.950.000.000	-	5.950.000.000	5.950.000.000
+ Cá nhân khác	4.976.697.179	4.976.697.179	18.147.598	4.994.844.777	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.232.200	-	1.232.200	1.232.200
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(c)	-	-	1.232.200	-	1.232.200	1.232.200
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	89.208.525.713	89.208.525.713	1.082.915.258	66.892.303.527	23.399.137.444	23.399.137.444
b.1 vay dài hạn	89.208.525.713	89.208.525.713	1.082.915.258	66.892.303.527	23.399.137.444	23.399.137.444
Từ 1 năm đến 5 năm	89.208.525.713	89.208.525.713	1.082.915.258	66.892.303.527	23.399.137.444	23.399.137.444
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>64.174.036.045</i>	<i>64.174.036.045</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>48.057.857.764</i>	<i>17.116.178.281</i>	<i>17.116.178.281</i>
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(c)	22.736.249.764	22.736.249.764	-	22.736.249.764	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(c)	22.045.068.000	22.045.068.000	-	22.045.068.000	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(d)	18.941.018.281	18.941.018.281	1.000.000.000	2.824.840.000	17.116.178.281	17.116.178.281
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt	451.700.000	451.700.000	-	451.700.000	-	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>25.034.489.668</i>	<i>25.034.489.668</i>	<i>82.915.258</i>	<i>18.834.445.763</i>	<i>6.282.959.163</i>	<i>6.282.959.163</i>
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt ^(e)	23.000.000.000	23.000.000.000	-	17.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
+ Ông Trần Trọng Nghĩa ^(f)	2.034.489.668	2.034.489.668	82.915.258	1.834.445.763	282.959.163	282.959.163
Cộng	112.352.806.312	112.352.806.312	64.241.015.742	125.615.020.545	50.978.801.509	50.978.801.509

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3400-LAV-202000176 ngày 26 tháng 3 năm 2020 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Thái Bình có hạn mức 30.000.000.000 để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn giải ngân là từ ngày 26/3/2020 đến 21/3/2021. Lãi suất theo từng Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các loại máy móc theo 2 hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019-HDTC/BV ký ngày 21/03/2019 và 02/2019-HDTC/BV ký ngày 03/04/2019.
- (b) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản Bắc Việt theo hợp đồng vay vốn số 14082020/HDVT/BVAM-BVG ngày 14 tháng 8 năm 2020. Thời hạn vay 09 tháng, lãi suất vay 0%/năm.
- (c) Là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng hạn mức tín dụng trung dài hạn số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ngày 10 tháng 05 năm 2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Theo thỏa thuận điều chỉnh khoản vay ngày 06 tháng 01 năm 2015 cấu trúc lại khoản vay, công ty bắt đầu trả gốc vay và lãi vay từ năm 2017 đến năm 2023. Lãi suất vay 7,5% /năm đối với khoản vay bằng VND. Lãi suất tốt nhất cho các khoản vay bằng USD tại từng thời điểm.
- (d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Thái Bình theo các hợp đồng:
- Hợp đồng tín dụng số 3400-LAV-2019000198 ngày 26 tháng 3 năm 2019 với hạn mức 20.000.000.000 để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án nhà máy thép hình và cơ khí, thời hạn vay là từ ngày 26/3/2019 đến 26/3/2026. Lãi suất theo từng Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019-HDTC/BV ký ngày 21/03/2019.
- Hợp đồng tín dụng số 3400-LAV-202000274 ngày 12 tháng 5 năm 2020 với số tiền 1.000.000.000 để mua máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là từ ngày 12/5/2020 đến 12/5/2023. Lãi suất cho vay là 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các loại máy móc theo 2 hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019-HDTC/BV ký ngày 21/03/2019 và 02/2019-HDTC/BV ký ngày 03/04/2019.
- (e) Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 18072018/HĐVT/BVIT-BVI ngày 18/07/2018 với Công ty Cổ phần công nghệ Bắc Việt với lãi suất là 9%/năm, thời hạn vay 3 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.
- (f) Là khoản vay cá nhân với lãi suất là 9,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	30.998.760.139	30.998.760.139	35.605.025.159	35.605.025.159
- Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin Metal Products Việt Nam	-	-	2.082.219.137	2.082.219.137
- Công ty Cổ phần thép Mê Linh	7.573.559.117	7.573.559.117	771.393.822	771.393.822
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	5.921.135.991	5.921.135.991	15.307.313.320	15.307.313.320
- Công ty TNHH Thép Nhật Quang	4.283.299.465	4.283.299.465	397.104.579	397.104.579
- Công ty TNHH JSR JP	-	-	2.487.330.845	2.487.330.845
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	13.220.765.566	13.220.765.566	14.559.663.456	14.559.663.456
Cộng	30.998.760.139	30.998.760.139	35.605.025.159	35.605.025.159

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.867.760	21.867.760	2.371.995.605	2.371.995.605
- Công ty TNHH Twofive	21.867.760	21.867.760	21.867.760	21.867.760
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	-	-	2.350.127.845	2.350.127.845
Cộng	21.867.760	21.867.760	2.371.995.605	2.371.995.605

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	938.279.871	49.590.569	960.042.391	-	27.828.049
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	154.458.338	154.458.338	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	9.036.300	9.036.300	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.176.116.118	691.265.021	2.350.896.554	-	516.484.585
- Thuế thu nhập cá nhân	-	202.365.696	198.990.117	341.173.636	-	60.182.177
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	415.722.073	415.722.073	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	51.251.552	51.251.552	-	-
Cộng	-	3.316.761.685	1.573.313.970	4.285.580.844	-	604.494.811

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	8.125.732.126	16.402.053.132
- Kinh phí công đoàn	751.851.248	-
- Bảo hiểm xã hội	1.072.972.337	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.300.908.541	16.402.053.132
+ Ông Nguyễn Đăng Hoàng	2.861.337.060	1.639.790.920
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	2.407.460.704	1.326.183.487
+ Các đối tượng khác	1.032.110.777	13.436.078.725
Cộng	8.125.732.126	16.402.053.132

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	97.509.480.000	7.856.827.827	150.037.319	(35.208.871.551)	(498.398.262)	69.809.075.333
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	476.706.854	611.149.511	1.087.856.365
Tăng khác	-	-	-	7.700.000.000	6.370.000.000	14.070.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(7.700.000.000)	-	(445.968.989)	-	(8.145.968.989)
Số dư cuối năm trước	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(27.478.133.686)	6.482.751.249	76.820.962.709
Số dư đầu năm nay						
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(5.946.139.583)	38.528.264	(5.907.611.319)
Điều chỉnh Lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi tỷ lệ vốn tại công ty con	-	-	-	(536.363.716)	536.363.716	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(33.960.636.985)	7.057.643.229	70.913.351.390

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của các cổ đông khác	97.509.480.000	100	97.509.480.000	100
Cộng	97.509.480.000	100	97.509.480.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.509.480.000	97.509.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	97.509.480.000	97.509.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	9.750.948
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.750.948	9.750.948
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	2.037,88	622,82

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	96.363.637	155.030.333.021
- Doanh thu bán thành phẩm	122.466.180.676	78.201.063.183
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.403.963.063	4.622.808.954
- Doanh thu khác	2.432.911.194	20.074.541.785
Cộng	135.399.418.570	257.928.746.943

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	77.439.948	126.372.248.493
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	94.212.369.731	70.600.852.208
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.143.897.899	1.407.147.063
- Giá vốn khác	1.371.699.631	16.184.096.905
Cộng	<u>105.805.407.209</u>	<u>214.564.344.669</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	1.333.665.479	118.678.101
- Lãi bán các khoản đầu tư	537.889.387	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.130.288.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	295.366.477	469.703.226
Cộng	<u>2.166.921.343</u>	<u>1.718.669.327</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	4.048.023.338	7.508.902.890
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	6.616.860.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	440.350.514	450.372.235
- Tồn thất đầu tư	4.876.387.996	-
- Chi phí tài chính khác	7.700	-
Cộng	<u>9.364.769.548</u>	<u>14.576.135.125</u>

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.727.273	-
- Tiền phạt thu được	-	1.570.502.342
- Các khoản khác	1.491.219.616	2.060.448.374
Cộng	<u>1.508.946.889</u>	<u>3.630.950.716</u>

06. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.688.781.544	-
- Xử lý tổn thất từ hàng tồn kho, công nợ	2.850.297.275	-
- Các khoản bị phạt	82.014.323	-
- Các khoản khác	143.038.908	74.339.786
Cộng	<u>5.764.132.050</u>	<u>74.339.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	9.157.318.984	14.922.647.063
- Chi phí nhân viên quản lý	4.345.195.922	8.921.855.160
- Chi phí đồ dùng văn phòng	560.382.547	293.498.434
- Chi phí khấu hao TSCĐ	735.983.694	1.092.442.262
- Thuế, phí và lệ phí	779.646.178	832.417.705
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.471.339	137.572.376
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.347.639.304	3.644.861.126
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	13.999.381.078	16.482.536.704
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.597.818.923	7.149.631.428
- Chi phí khác bằng tiền	9.401.562.155	9.332.905.276
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(800.000.000)
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	(800.000.000)
Cộng	23.156.700.062	30.605.183.767

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	516.484.585	2.370.507.274
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	174.780.436	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	691.265.021	2.370.507.274

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.907.611.319)	1.087.856.365
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.907.611.319)	1.087.856.365
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(606)	112

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.907.611.319)	1.087.856.365
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.907.611.319)	1.087.856.365
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.750.948	9.750.948
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(606)</u>	<u>112</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương, thưởng	<u>216.975.077</u>
Cộng	<u>216.975.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.273.429.951	-	15.759.287.322	-	1.273.429.951	15.759.287.322
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.006.563.163	-	93.367.719.893	-	37.006.563.163	93.367.719.893
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	38.279.993.114	-	109.127.007.215	-	38.279.993.114	109.127.007.215

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	30.998.760.139	35.605.025.159	30.998.760.139	35.605.025.159
Vay và nợ	50.978.801.509	112.352.806.312	50.978.801.509	112.352.806.312
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	6.300.908.541	16.402.053.132	6.300.908.541	16.402.053.132
Cộng	88.278.470.189	164.359.884.603	88.278.470.189	164.359.884.603

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản trong đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	30.998.760.139	-		30.998.760.139
Vay và nợ	27.579.664.065	23.399.137.444	-	50.978.801.509
Chi phí phải trả	-	-		-
Các khoản phải trả khác	6.300.908.541	-		6.300.908.541
Cộng	64.879.332.745	23.399.137.444	-	88.278.470.189
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	35.605.025.159	-		35.605.025.159
Vay và nợ	23.144.280.599	89.208.525.713	-	112.352.806.312
Chi phí phải trả	-	-		-
Các khoản phải trả khác	16.402.053.132	-		16.402.053.132
Cộng	75.151.358.890	89.208.525.713	-	164.359.884.603

05. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K – Chi nhánh Miền Bắc.

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường